

Khoảng 22 giờ ngày 04/10/2020, Tú đi đến khu vực quận 3, thành phố Hồ Chí Minh nhờ Lê Thanh Q (chưa rõ lai lịch, là bạn của T) mua giúp T 01 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) và đưa cho Q số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng), Q đồng ý đi mua rồi quay lại đưa cho T 01 viên ma túy dạng nén màu vàng (thuốc lắc). Tú nhận ma túy rồi mang về phòng trọ của T tại phòng số 4, dãy trọ số 463/37, tổ 37, khu phố 4, phường Bình Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cất giấu trong hộp đựng trang sức để trên kệ trong phòng trọ, mục đích để sử dụng.

Đến ngày 24/11/2020, khi T đang ở tại quán bia tươi “Anh T” địa chỉ số 334, tổ 5, khu phố 12, phường An B, thành phố B do T làm chủ thì đối tượng tên N (chưa rõ lai lịch, bạn của T) đến chơi và ngồi uống bia cùng với T. Sau khi ăn uống xong, N lấy 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) N mang theo trước đó bỏ vào 02 dụng cụ bằng thủy tinh (nỏ) dùng để hút ma túy rồi cùng T sử dụng. Do còn sót lại một phần ma túy trong nỏ nên T cất giấu 02 chiếc nỏ trên vào tủ trong quán của T.

Đến khoảng 10 giờ 20 ngày 03/12/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp cùng Công an phường B và Công an phường A tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ của T và quán bia tươi “Anh T” tại địa chỉ nêu trên thì phát hiện, thu giữ số ma túy trên.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Trần T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) viên nén hình tròn màu vàng, trên viên nén có hình vương miện được thu giữ trong hộp trang sức để trên kệ trong phòng trọ của T đã được niêm phong, có chữ ký của Phạm Trần T và hình dấu mộc tròn của Công an phường B;

+ 02 nỏ thủy tinh bên trong có chứa tinh thể màu trắng thu tại quán nhậu bia tươi “Anh T” đã được niêm phong, có chữ ký của Phạm Trần T và hình dấu mộc tròn của Công an phường A.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO có số thuê bao 0921521709 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell có số thuê bao 0973193977 là điện thoại của T không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

+ 01 xe mô tô hiệu Vario biển số 59B1-687.08 là xe của T và chị Mai Thị H (vợ của T) cùng mua trả góp, do Phạm Trần T đứng tên chủ sở hữu. Xét thấy, tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị H. (Bút lục số: từ 03 đến 06, từ 69 đến 73).

- Tại Bản kết luận giám định số 2790/PC09-GĐMT ngày 10/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

- Mẫu 01 viên nén hình tròn màu vàng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,3556 gam loại Methamphetamine và MDMA.

- Mẫu chất bột màu vàng dính trong 02 (hai) nỏ thủy tinh (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Lượng mẫu dính trong nỏ thủy tinh rất ít nên không xác định được khối lượng.

(Bút lục 21).

- Bản cáo trạng số: 372/CT-VKSBH-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B , tỉnh Đồng Nai truy tố Phạm Trần T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phạm Trần T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Trần T từ 05 năm 06 tháng – 06 năm tù, xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Tại phiên tòa bị cáo trình bày: bị cáo thống nhất với hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến gì đối với kết luận giám định.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ như biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 10 giờ 20 phút ngày 03/12/2020, tại phòng số 4, dãy trọ số 463/7, tổ 37, khu phố 4, phường Bình Đa, thành phố B , tỉnh Đồng Nai, Phạm Trần T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3556 gam loại Methamphetamine và MDMA thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp cùng Công an phường Bình Đa và Công an phường An Bình kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Như vậy, bị cáo Phạm Trần T đã có hành vi tàng trữ Methamphetamine và MDMA, đây là các chất ma túy nằm trong danh mục các chất cấm theo quy định của Chính phủ.

Bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án số 666/2008/HS-ST ngày 20/11/2008 của Tòa án nhân dân thành phố B) chưa được xóa án tích, đến năm 2014 lại tiếp tục phạm tội “Mua bán trái phép chất

ma túy” (theo Bản án số 718/2015/HS-ST ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B) chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Phạm Trần T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và viện dẫn.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của Nhà nước Việt Nam về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên Lê Thanh Q (chưa rõ lai lịch) đã mua ma túy cho T và đối tượng tên N (chưa rõ lai lịch) đã cho T ma túy sử dụng, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với hành vi Phạm Trần T tàng trữ 02 nỏ thủy tinh bên trong chứa ma túy tổng hợp hàng đá, do lượng mẫu dính trong nỏ thủy tinh rất ít, không xác định được khối lượng nên không đủ căn cứ xử lý T về hành vi trên.

Quá trình Cơ quan điều tra tiến hành khám xét tại quán “Anh T”, lúc này tại quán có Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1998, ngụ 60B/36, khu phố 8, phường H, thành phố B , tỉnh Đồng Nai. Qua làm việc, N khai từ khoảng tháng 8/2020 (không rõ ngày) N nhiều lần mua ma túy của Phạm Trần T. Khoảng 14 giờ ngày 30/11/2020, N cùng với Võ Lê Hoàng D, sinh năm 1992, ngụ tại khu phố 4, phường T đến quán “Anh T”, địa chỉ số 334, tổ 5, khu phố 12, phường A, thành phố B mua ma túy của T. Tuy nhiên, T không thừa nhận đã bán ma túy cho N, D. Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng Võ Lê Hoàng D nhưng không có đối tượng D cư trú tại phường T như lời khai của N.

Kết quả điều tra, ngoài lời khai của N, không có chứng cứ khác chứng minh T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho N nên chưa đủ cơ sở xác định Phạm Trần T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

[3] Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định và 02 nỏ thủy tinh Tú dùng để sử dụng ma túy.

- Trả lại cho Phạm Trần T 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO có số thuê bao 0921521709 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell có số thuê bao 0973193977 do không liên quan đến việc phạm tội.

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B .

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: về tội danh truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trần T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Trần T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ 03-12-2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định và 02 nỏ thủy tinh Tú dùng để sử dụng ma túy.

- Trả lại cho Phạm Trần T 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO có số thuê bao 0921521709 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell có số thuê bao 0973193977 do không liên quan đến việc phạm tội.

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B .

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Trần T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố B ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	
Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán